

Bản án số: 342/2019/HSPT
Ngày 20 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Đình Triết.
2. Ông Nguyễn Tấn Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 340/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn C về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” và bị cáo Lê Văn V, Nguyễn Văn C1 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tuyên xử không phạm tội “*Khai báo gian dối*”, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đối với bản án số 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1992, tại tỉnh Nghệ An; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 23, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị O; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 76 ngày 23/10/2018 của CQĐT Công an huyện EaKar (có mặt).

2. Lê Văn V, sinh năm 1972, tại tỉnh Bắc Giang; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Khối 12, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Đặng Thị L; Bị cáo có vợ là Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1973, có 02 con, lớn nhất

sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 1989, phạm tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, quy định tại Điều 132 BLHS 1985 và bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13 ngày 13/4/2017 của CQĐT Công an huyện EaKar (có mặt).

3. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1972, tại tỉnh Nghệ An; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 23, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn L – 1948 và bà Trương Thị N - 1950; Bị cáo có vợ là Lê Thị O, sinh năm 1974, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 77 ngày 23/10/2018 của CQĐT Công an huyện EaKar. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn văn C, ông Võ Đình D – Luật sư - Văn phòng luật sư Đình D - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* **Người bị hại:** Bà Phan Thị G - Sinh năm 1993 (đã chết). Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn S, ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị H. Cùng trú tại: Thôn 1B, xã Ô, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Bà Nông Thị L - sinh năm 1994. Trú tại: Thôn 1B, xã Ô, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Cháu Phan Hữu Hai M - sinh năm 2014. Người đại diện hợp pháp: bà Nông Thị L, ông Phan Hữu B. Trú tại: Thôn 1B, xã Ô, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hồ Sỹ T - Sinh năm 1980. Trú tại: Buôn El, xã N, huyện E, Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Ông Từ Dương T - Sinh năm 1970. Trú tại: Thôn 6, xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h, ngày 03/01/2017, Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô khách biển số 47B-018.12 (C chưa có giấy phép lái xe theo quy định) lưu thông trên đường liên xã theo hướng xã Ô đi xã C, huyện E. Khi đi trên xe gồm có Lê Văn V, Nguyễn Văn C1 (bố C), Hà Xuân H (phụ xe), Lê Văn B và một người khách (không xác định tên, tuổi, địa chỉ). Khi C điều khiển xe đi đến đoạn đường thuộc thôn 1B, xã Ô, huyện E thì C phát hiện chị Nông Thị L điều khiển xe mô tô biển số 47K7- 9022 chở theo sau cháu Phan Hữu Hai M (sinh năm 2014, con chị L) và bà Phan Thị G đang lưu thông phía trước cùng chiều. C điều khiển xe ô tô 47B-018.12 vượt bên trái xe mô tô 47K7-9022, khi đầu xe ô tô vượt xe mô tô thì phần hông bên phải của cánh cửa xe ô tô 47B-018.12 đã va chạm với xe mô tô 47K7-9022 làm xe mô tô chị L, chị G, cháu M bị ngã xuống

đường, bánh xe ô tô biển số 47B-018.12 cán vào phần đầu chị Phan Thị G làm chị G chết tại chỗ, chị L, cháu M bị thương nhẹ, xe mô tô bị hư hỏng.

Sau khi tai nạn xảy ra sợ bị tạm giữ xe và bị truy cứu trách nhiệm hình sự do C không có giấy phép lái xe theo quy định còn Lê Văn V có giấy phép lái xe theo quy định nên V, C, C1 bàn bạc thống nhất để cho Lê Văn V đứng ra nhận là người điều khiển xe ô tô 47B-018.12 gây tai nạn còn mọi chi phí bồi thường liên quan đến vụ tai nạn thì Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn C chịu trách nhiệm. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar đến hiện trường để tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và ghi lời khai thì Lê Văn V đứng ra khai nhận là người gây tai nạn. Sau khi khai báo với cơ quan Công an thì V yêu cầu C viết một giấy cam kết chịu trách nhiệm tại nhà Từ Dương T và có sự chứng kiến của Hà Xuân H, anh T, V, C ký vào giấy cam kết. Khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar khởi tố vụ án, khởi tố bị can, hỏi cung đối với V và ghi lời khai của Nguyễn Văn C1 thì V và C1 đều khai báo gian dối V là người điều khiển nên Cơ quan điều tra kết thúc điều tra chuyển hồ sơ vụ án đề nghị Viện kiểm sát truy tố đối với Lê Văn V, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1, Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát tiến hành phúc cung Lê Văn V thì V vẫn khai báo gian dối nhận là người điều khiển và giữ nguyên lời khai như quá trình điều tra. Ngày 03/08/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar ban hành Cáo trạng số 43 truy tố bị can Lê Văn V, về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo khoản 1, Điều 202 Bộ luật hình sự và tổng đạt cáo trạng cho V, V không có ý kiến gì. Ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện EaKar để xét xử theo thẩm quyền. Ngày 08/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar nhận được công văn số 434 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar “*Thông báo phát sinh tình tiết mới*” kèm theo các tài liệu gồm 01 giấy cam kết do Nguyễn Văn C viết (bản phô tô), 02 biên bản ghi lời khai và bản tự khai của Nguyễn Văn C1 và Lê Văn V với nội dung khai báo người điều khiển xe ô tô 47B7-018.12 gây tai nạn ngày 03/01/2017 làm chị G tử vong là do Nguyễn Văn C con ông C1 điều khiển nên Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar rút hồ sơ về để trả hồ sơ cho cơ quan điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 52/Py-TgT ngày 10/01/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân chết của Phan Thị G là choáng chấn thương/TNGT.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐGTS ngày 11/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện E kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển số 47K7-9022 sau tai nạn vào thời điểm ngày 03/01/2017 trị giá bằng 120.000đ (Một trăm hai mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 599/PC54 ngày 06/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trong “Giấy cam kết” so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trong các tài liệu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Các bị cáo Nguyễn Văn C1, Lê Văn V không phạm tội “Khai báo gian dối” theo khoản 1 Điều 307 Bộ luật hình sự 1999.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 03(Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện EaKar trả lại xe ô tô biển số 47B – 018.12; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022624 (bản phô tô); 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 0864669; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 002461195 cho bị cáo Nguyễn Văn C1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện EaKar đã hoàn trả cho ông Phan Hữu Bắc 01 xe mô tô biển số 47K7 – 9022 là chủ sở hữu hợp pháp.

Kiến nghị cấp Giám đốc thẩm xem xét trong trường hợp bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đề nghị hủy bản án để điều tra, bổ sung làm rõ hành vi “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” đối với bị cáo Nguyễn Văn C1 và bị cáo Lê Văn V.

Trong trường hợp bản án hình sự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án để trả hồ sơ điều tra, bổ sung đối với hành vi “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ” đối với bị cáo Nguyễn Văn C1 và bị cáo Lê Văn V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/9/2019, ông Phan Hữu Lộc, bà Nguyễn Thị Hồng là đại diện hợp pháp cho người bị hại Phan Thị Giang kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn C và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 09/9/2019, bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 10/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-KNPT. Kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng tuyên bố các bị cáo phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên. Các bị cáo Lê Văn V, Nguyễn Văn C1 khai nhận hành vi của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên kháng nghị số: 02/QĐ-KNPT ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với bị cáo C, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo C về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo C xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C.

- Đối với bị cáo với Lê Văn V, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo V không phạm tội “Khai báo gian dối” là có căn cứ. Qua xem xét các tài liệu thu thập lưu trong hồ sơ vụ án thì Lê Văn V có hành vi “*Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”. Vì chiếc xe ô tô biển số: 47B-018.12 xảy ra tai nạn, tại thời điểm này chiếc xe thuộc quyền quản lý của V.

- Đối với Nguyễn Văn C1, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo V không phạm tội “Khai báo gian dối” là không có căn cứ. Qua xem xét các tài liệu thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, tại thời điểm gây ra tai nạn C1 có mặt trên xe nhưng chiếc xe này do V quản lý.

Cấp sơ thẩm chưa làm rõ về hành vi V về việc *Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”. Hành vi của C1 lại không được xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b,c khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 358 BLTTHS. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, đối với Lê Văn V và Nguyễn Văn C1.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C, ông Võ Đình D trình bày:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn C về tội danh và điều luật áp dụng thông nhất quan điểm với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, về mức hình phạt Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị là quá nặng so với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì, sau khi nhận thức được việc khai báo không đúng sự thật, bị cáo C đã tự nguyện, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; sau khi gây ra hậu quả đã tự nguyện cùng với gia đình bồi thường toàn bộ để khắc phục hậu quả do mình phạm tội gây ra; hiện nay gia đình bị cáo sau khi phạm tội gặp nhiều khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo, đồng thời đề

ngiht áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Lê Văn V, Nguyễn Văn C1: Đồng ý với Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar về các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo được hưởng trong vụ án. Tuy nhiên, về tội danh và mức hình phạt không đồng ý, vì trong vụ án đối với xe ô tô biển số 47B – 018.12 là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của các bị cáo, trong đó bị cáo V, C1 có trách nhiệm quản lý chung và cũng phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của xe ô tô trong quá trình hoạt động. Thời điểm xảy ra tai nạn, các bị cáo biết rõ bị cáo C không đủ điều kiện để điều khiển xe, các bị cáo đều có mặt trên xe, nhận thức rõ bản thân chủ sở hữu là phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của xe nhưng không có ý kiến, không có hành vi ngăn cản đối với bị cáo C là cấu thành tội “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ”, mà không phải là tội “Khai báo gian dối” như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 3, Điều 264 Bộ luật hình sự 2015 xét xử các bị cáo về tội “*Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”, để áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C không bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Văn C1, Lê Văn V không bào chữa, tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của của bị cáo Nguyễn Văn C, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn C về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Văn C1 không phạm tội “Khai báo gian dối” là chưa có căn cứ. Bởi vì, tại “*Biên bản lấy lời khai*” ngày 06/9/2017 của ông Từ Dương T và “*Biên bản lấy lời khai*” ngày 14/9/2017 của ông Hồ Sỹ T đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (có cổ phần trong chiếc xe ô tô biển số 47B-018.12), đều khai rằng: “*Vào khoảng tháng 10/2016 chúng tôi, gồm: Ông Nguyễn Văn C1, Lê Văn V, Hồ Sỹ T và Từ Dương T góp vốn mua chung hai xe ô tô chở khách, một xe biển số 47B – 018.36 và biển số 47B - 018.12 đưa vào hoạt động kinh doanh. Sau khi họp bàn thì giao cho Lê Văn V và Hồ Sỹ T điều khiển xe biển số 47B -*

018.12”. Tại “Biên bản ghi lời khai” ngày 14/8/2017 (BL158), C1 khai: “...Sáng ngày 03/01/2017, tôi ngồi uống cà phê tại quán cà phê H thôn 2b, xã Ô, huyện K thì xe biển số 47B - 018.12 đến đón, tôi lên xe thấy C điều khiển xe, tôi biết C chưa có giấy phép lái xe nhưng nghĩ C điều khiển xe là được sự đồng ý của Lê Văn V (Vđược giao cho điều khiển chiếc xe này). Khi C gây ra tai nạn, tôi có khai là do V gây ra tai nạn vì có sự thống nhất giữa V và C sau khi xảy ra tai nạn...”. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Khi C điều khiển xe xảy ra tai nạn, C1 là chủ xe là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chứ không phải là nhân chứng”, như vậy là chưa chính xác”. Theo như lời khai của ông Hồ Sỹ T và Từ Dương T như đã nêu trên, xe ô tô biển số 47B - 018.12, hợp bàn giao cho Lê Văn V điều khiển thì Nguyễn Văn C1 là nhân chứng. Xét thấy, các chứng cứ thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì hành vi của Nguyễn Văn C1 có đủ dấu hiệu phạm tội “Khai báo gian dối”.

[2.2] Đối với Lê Văn V, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo V không phạm tội “Khai báo gian dối” là có căn cứ. Theo “Biên bản lấy lời khai” ngày 06/9/2017 của ông Từ Dương T và “Biên bản lấy lời khai” ngày 14/9/2017 của ông Hồ Sỹ T đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (có cổ phần trong chiếc xe ô tô biển số 47B-018.12), đều khai rằng: “...Sau khi hợp bàn thì giao cho Lê Văn V và Hồ Sỹ T điều khiển xe biển số 47B - 018.12”. Như vậy, việc Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô biển số 47B-018.12 gây ra tai nạn trong thời gian V được giao nhiệm vụ lái xe đón khách đi tuyến Bắc - Nam. Hành vi của Lê Văn V có dấu hiệu hành vi vi phạm “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Tuy nhiên hành vi này chưa được Cơ quan Điều tra làm rõ để khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar chưa truy tố. Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được nên hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố xét xử lại từ đầu.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn C và đại diện hợp pháp của người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có cung cấp thêm đại diện hợp pháp cho người bị hại làm đơn kháng cáo bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, khi C gây ra tai nạn thì Nguyễn Văn C1, Lê Văn V cũng có mặt, hành vi của C1 và V chưa được làm rõ và chưa được xử lý. Nếu giữ nguyên hình phạt đối với hành vi của bị cáo C thì giải quyết vụ án chưa được triệt để, do đó hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar về trách nhiệm hình sự. Giao hồ sơ

về cho Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar để điều tra lại, khởi tố theo quy định của pháp luật, vì chưa điều tra đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, nên bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Giao hồ sơ về cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Ea Kar điều tra giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- T.H.A.HS Công an huyện Ea Kar;
- các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Tùng